

Số: 275/2019/QĐST-HNGĐ

Bù Đăng, ngày 29 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số: 396/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: anh Đặng Phước H; sinh năm: 1971

Địa chỉ: thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị K; sinh năm: 1972

Địa chỉ: thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước .

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn D; sinh năm: 1959

Địa chỉ: thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

2. Ông Nguyễn Đức H; sinh năm: 1973

Địa chỉ: thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

3. Ông Nguyễn Đình V; sinh năm: 1969

Địa chỉ: thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

4. Bà Nguyễn Thị D; sinh năm: 1970

Địa chỉ: thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Anh Đặng Phước H; sinh năm: 1971

Địa chỉ: thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Chị Nguyễn Thị K; sinh năm: 1972

Địa chỉ: thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Đặng Phước H và bà Nguyễn Thị K thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: ông Đặng Phước H và bà Nguyễn Thị K đồng ý liên đới trả số nợ cho ông Nguyễn Đình V; ông Nguyễn Đức H; ông Nguyễn Văn D; bà Nguyễn Thị D, cụ thể như sau:

2.4.1. Ông Đặng Phước H và bà Nguyễn Thị K đồng ý liên đới trả số nợ cho ông Nguyễn Đình V số tiền gốc 40.000.000đồng và tiền lãi 6.600.000đồng. tổng cộng cả gốc và lãi là 46.600.000đồng.

Thời hạn trả tiền chi làm các đợt:

Đợt 1: Trả số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) chậm nhất vào ngày 29/12/2019 (DL).

Đợt 2: Trả số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) chậm nhất vào ngày 29/01/2020 (DL).

Đợt 3: Trả số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) chậm nhất vào ngày 29/02/2020 (DL).

Đợt 4: Trả số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) chậm nhất vào ngày 29/03/2020 (DL).

Đợt 5: Trả số tiền 6.600.000đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn) chậm nhất vào ngày 29/04/2020 (DL).

Đến thời hạn trả tiền nếu ông H và bà K không trả hoặc trả không đủ thì ông H và bà K phải chịu lãi suất theo mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Đến thời hạn trả tiền nếu ông H và bà K không trả tiền hoặc trả không đủ tiền thì ông Nguyễn Đình V quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền chậm trả.

2.4.2. Ông Đặng Phước H và bà Nguyễn Thị K đồng ý liên đới trả số nợ cho ông Nguyễn Đức H số tiền gốc 20.000.000đồng.

Thời hạn trả tiền chia làm các đợt:

Đợt 1: Trả số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 29/12/2019 (DL).

Đợt 2: Trả số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 29/01/2020 (DL).

Đợt 3: Trả số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 29/02/2020 (DL).

Đợt 4: Trả số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 29/03/2020 (DL).

Đến thời hạn trả tiền nếu ông H và bà K không trả hoặc trả không đủ thì ông H và bà K phải chịu lãi suất theo mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Đến thời hạn trả tiền nếu ông H và bà K không trả tiền hoặc trả không đủ tiền thì ông Nguyễn Đức H quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền chậm trả.

2.4.3. Ông Đặng Phước H và bà Nguyễn Thị K đồng ý liên đới trả số nợ cho ông Nguyễn Văn D số tiền gốc 25.000.000đồng.

Thời hạn trả tiền chia làm các đợt:

Đợt 1: Trả số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 29/12/2019 (DL).

Đợt 2: Trả số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 29/01/2020 (DL).

Đợt 3: Trả số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 29/02/2020 (DL).

Đợt 4: Trả số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 29/03/2020 (DL).

Đợt 5: Trả số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn) chậm nhất vào ngày 29/04/2020 (DL).

Đến thời hạn trả tiền nếu ông H và bà K không trả hoặc trả không đủ thì ông H và bà K phải chịu lãi suất theo mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Đến thời hạn trả tiền nếu ông H và bà K không trả tiền hoặc trả không đủ tiền thì ông Nguyễn Văn D quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền chậm trả.

2.4.4. Ông Đặng Phước H và bà Nguyễn Thị K đồng ý liên đới trả số nợ cho bà Nguyễn Thị D số tiền gốc 50.000.000đồng.

Thời hạn trả tiền chậm nhất vào ngày 25/9/2020 (DL).

Đến thời hạn trả tiền nếu ông H và bà K không trả hoặc trả không đủ thì ông H và bà K phải chịu lãi suất theo mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Đến thời hạn trả tiền nếu ông H và bà K không trả tiền hoặc trả không đủ tiền thì bà Nguyễn Thị D quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền chậm trả.

2.5. Về án phí: Ông Đặng Phước H và bà Nguyễn Thị K nhận nộp 3.540.000đồng số tiền án phí dân sự sơ thẩm và ông Đặng Phước H nhận nộp

150.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền mà ông H đã nộp tạm ứng trước theo biên lai số 0009474 ngày 07/10/2019.

Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả số tiền 1.250.000đồng cho Bà Nguyễn Thị D theo biên lai thu tiền số 0009811 ngày 21/11/2019.

Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả số tiền 1.165.000đồng cho ông Nguyễn Đình V theo biên lai thu tiền số 0009794 ngày 12/11/2019.

Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả số tiền 500.000đồng cho ông Nguyễn Đức H theo biên lai thu tiền số 0009795 ngày 12/11/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS và Chi cục THA huyện B;
- Tòa án tỉnh Bình Phước;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Điêu Thị Hạnh